

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2021

V/v “Ly hôn giữa chị Đ với anh Th”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Dũng; Ông Trương Sơn Lạng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thủy Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Đ; sinh năm 1987;

Địa chỉ: thôn M, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt;

Bị đơn: Anh Nguyễn Chí Th; sinh năm 1987;

Địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị Đ trình bày:

Chị và anh Nguyễn Chí Th tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/7/2013. Sau kết hôn, anh chị sinh sống và làm nông ở thôn M, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng chung sống được khoảng 05 tháng nhưng không hạnh phúc. Anh Th thường hay ghen tuông vô cớ, xúc phạm và còn bạo lực với chị Đ. Thậm chí, trong khoảng thời gian đó, chị Đ đang mang thai nhưng anh Th luôn tìm cách gây sự, hành hạ về tinh thần và cả thể chất dẫn đến nhiều lần chị Đ bị động thai phải nhập viện tại Bệnh viện huyện. Đến tháng 12/2013, anh Th chuyển hẳn về thôn H, xã Đ, huyện L sinh sống cùng gia đình anh trai anh Th.

Từ đó đến nay, anh Th chỉ thỉnh thoảng về thăm con được hai, ba lần gì đó. Từ đó anh Th, chị Đ sống ly thân. Hiện nay, chị Đ được biết, anh Th đi làm ăn xa đâu đó, thỉnh thoảng có ghé về thăm gia đình anh trai nhưng không về thăm vợ, con.

Nay chị Đ xác định giữa chị và anh Th không còn yêu thương nhau và anh Th đã bỏ vợ, con thì không thể sống chung với nhau được nữa nên chị Đ đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Th.

Về con: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 27/3/2014; chị Đ đề nghị Tòa án giao cho chị được quyền tiếp tục nuôi con. Chị Đ không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Th vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh và xác định được anh Th có đăng ký thường trú và sinh sống ở thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk từ năm 2009; đến năm 2013, kết hôn với chị Đ và chuyển về sinh sống cùng chị Đ ở M, xã B; được khoảng vài tháng thì anh Th bỏ về cư trú với gia đình người anh trai ở thôn H, xã Đ là anh Nguyễn Thành H. Khoảng 03 năm gần đây, anh Th đi làm thuê ở TP.HCM, thỉnh thoảng về thăm gia đình anh Hiệp rồi lại đi; gia đình người thân, bạn bè không ai biết anh Th đi đâu, làm gì; bản thân anh Hiệp cũng chỉ liên lạc qua điện thoại khi anh Th chủ động gọi về chứ không biết anh Th ở đâu, làm gì; qua nói chuyện gia đình anh Hiệp có báo cho anh Th về việc chị Đ kiện ly hôn nhưng anh Th cho biết do bận làm ăn xa, không thể về được; còn về việc ly hôn anh Th không có phản ứng gì.

Ngày 27/8/2021, Tòa án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST- HNGĐ; tại phiên tòa ngày 13/9/2021, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt. Về phần anh Th, mặc dù đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng để đảm bảo quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh Th vẫn vắng mặt không có lý do. Còn chị Đ, do đi làm thuê ở TP. HCM và do dịch bệnh không thể có mặt tại phiên tòa ngày 13/9/2021; đến ngày 20/9/2021, chị Đ làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 30/9/2021; trong đơn, chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị Đ ly hôn với anh Nguyễn Chí Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định về vụ án như sau:

[1] Anh Nguyễn Chí Th cư trú tại huyện L nên đơn yêu cầu ly hôn của chị Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Đ a khoản 1 Điều 35, Điều 36, Đ a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Do yêu cầu phòng chống dịch bệnh Covid, chị Đ không thể có mặt tại phiên tòa là trở ngại khách quan và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là thuộc trường hợp loại trừ theo quy định tại Đ a khoản

2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Th bỏ đi không thông báo địa chỉ cho vợ, người thân thích khác là cố tình dấu địa chỉ; Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa là thuộc trường hợp quy định tại Đ b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về yêu cầu ly hôn: Xét hôn nhân giữa chị Đ và anh Th là hợp pháp; chị Đ, anh Th kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, thời gian anh chị duy trì quan hệ hôn nhân khoảng 05 tháng nhưng thời gian ly thân đến nay đã gần 8 năm nay, từ khi chị Đ đang mang thai. Mặc dù không ghi nhận được ý kiến của anh Th nhưng với thời gian dài anh Th không chung sống với vợ, con là vi phạm về tình nghĩa vợ chồng, nghĩa vụ của cha đối với con theo quy định tại Điều 19, 69 của Luật hôn nhân và gia đình: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”; nghĩa vụ “Thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình”.

Mặt khác, việc anh Th bất hợp tác trong giải quyết hôn nhân và gia đình tại Tòa án, thể hiện anh Th không còn mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình với chị Đ và con chung của vợ chồng. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị Đ, anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ.

[4] Về con: Cháu Nguyễn Trần Gia B do một mình chị Đ nuôi dưỡng từ khi sinh ra đến nay nên cần giao cho chị Đ tiếp tục được nuôi dưỡng cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Đ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Th.

[5] Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Đ không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đ là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Đ a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; tuy nhiên chị Trần Thị Đ là hộ nghèo nên thuộc đối tượng được miễn áp phí theo quy định tại Đ đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nên cần miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 2, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 57, 69, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Đ với anh Nguyễn Chí Th.

Giao cho chị Trần Thị Đ được quyền tiếp tục nuôi con chung của chị Đ, anh Th là cháu Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 27/3/2014.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị Trần Thị Đ chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng chị Đ thuộc hộ nghèo nên được miễn tiền án phí; chị Trần Thị Đ không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã Đ;
- VKSND H. L;
- Chi cục THA DS H. L;
- TAND tỉnh (P. GĐKT);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Hưng